

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 02 - 2023.

V/v ly hôn giữa anh Tuấn A và
chị M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều;

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST- HNGĐ ngày 10/06/2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Triệu Tuấn A, sinh năm 1988; HKTT: Xóm 6, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1995; HKTT: Xóm 6, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Tuấn A và chị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên toà nguyên đơn anh Triệu Tuấn A vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai của anh Tuấn A thể hiện: Anh và chị Lê Thị M kết hôn với nhau ngày 25/01/2014 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính cách, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Nay anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Lê Thị M được ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Tuấn K, sinh

ngày 07/4/2014 (Hiện con chung đang do anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng). Sau khi ly hôn anh Triệu Tuấn A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị M vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị M nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều anh Tuấn A đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh Tuấn A có đơn xin ly hôn với chị thì chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh Tuấn A có một con chung là cháu Triệu Tuấn K, sinh ngày 07/04/2014. Vợ chồng ly hôn chị nhất trí để anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuấn A ở mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: xử thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Tuấn A và chị Lê Thị M. Giao con chung là cháu Triệu Tuấn K, sinh ngày 07/04/2014 cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng, chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuấn A là 1.500.000 đồng/tháng. Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với anh Tuấn A và chị M theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 6, HTX Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh An Giang. Nhưng chị M và anh Tuấn A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định là tòa án giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định. Tại phiên tòa

chị M và anh Tuấn A vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Triệu Tuấn A và chị Lê Thị M vào ngày 25/01/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc sống ly thân. Nay anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh Tuấn A và chị M là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Triệu Tuấn A và chị Lê Thị M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Triệu Tuấn K, sinh ngày 07/4/2014(Hiện con chung đang do anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng). Ly hôn anh Tuấn A có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu K và yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Phía chị M cũng nhất trí. Mặt khác cháu K cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Thấy quan điểm về việc nuôi con chung của anh Tuấn A và chị M là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Triệu Tuấn A và chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Triệu Tuấn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, chị Lê Thị M phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Xử thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Tuấn A và chị Lê Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Triệu Tuấn K, sinh ngày 07/4/2014 cho anh Triệu Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuấn A ở mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 02 năm 2023 đến khi cháu K thành niên 18 tuổi. (Hiện con chung đang do anh

Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng). Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí:

- Anh Triệu Tuấn A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tuấn A đã nộp theo biên lai số 0000732 ngày 10/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh Tuấn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương